

LÊ ĐẠI CƯƠNG VỊ TỔNG ĐỐC AN - HÀ ĐẦU TIÊN VÀ NHỮNG DẤU ẤN TRÊN VÙNG ĐẤT AN GIANG

Trần Ngọc Duyệt¹

1. Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp

Quê ông ở làng Luật Chánh, xã Phước Hiệp, tỉnh Bình Định là một con người văn võ song toàn, phụng sự dưới ba triều vua nhà Nguyễn là Gai Long, Minh Mạng, Thiệu Trị. Ông đã có những đóng góp được chính sử sách nhà Nguyễn ghi nhận trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc ở các lĩnh vực chính trị, kinh tế, ngoại giao, văn hóa, để lại những dấu ấn sâu đậm ở cả ba miền đất nước, nổi tiếng là một kẻ sĩ liêm chính, cương trực.

Với tài năng và đức độ của mình, vào năm Gia long năm thứ 3 (1804) ông được bổ vào chức Tri huyện, “*Vua thấy chức huyện lệnh rất là gần dân, muốn xét kẻ giỏi người không để xem thành tích, bèn triệu tri huyện các huyện ở Quảng Đức, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định là bọn Hoàng Kim Xán, Nguyễn Ngọc Nhân, Lê Đại Cương hơn 20 người về Kinh, sai quan ba bộ Lại, Lễ, Hình họp xét, rồi chia làm ba hạng giấp át bính tiến lên. Vua đều cho trúng cách, ban cho y phục rồi cho về. Dụ rằng : Vâng theo chính lệnh mà tuyên truyền đức hóa, đó là công việc của các người, đều nên cố gắng*”². Giữ chức được một thời gian, để xảy ra một số sai sót nên bị cách chức.

Năm 1811 theo giới thiệu của Tổng hiệp trấn Bắc thành, Lê Chất tâu rằng “... cử Lê Đại Cương theo làm việc ở thành. Cương trước làm Tri huyện Tuy Viễn, vì tham tang phải mất chức, Chất thấy Cương là người có tài làm việc, mới tâu xin. Vua y cho”³. Có lẽ cuộc đời quan trường đầy thăng trầm của Lê Đại Cương cũng bắt đầu từ đây, ông được điều ra Bắc Thành và được thăng Binh bộ thêm sự.

Năm 1819 Gia Long thứ 18, ua lấy “*Cựu Tri huyện Lê Đại Cương làm Thiêm sự Binh bộ, sung biện Hộ tào và Binh tào Bắc Thành*”⁴. **Năm 1821**, Minh Mạng thứ 2, sung chức Biện lý bang giao sứ sự ở công quán Gia Quất lo việc đón tiếp sứ nhà Thanh. **Năm 1822** giữ chức Hiệp trấn Sơn Tây.

Năm 1823 được điều về làm Cai bạ Quảng Nam, “*Lấy Thiêm sự Binh bộ chuyên biện việc từ chương ở Bắc Thành là Lê Đại Cương làm Cai bạ Quảng Nam*”⁵. Năm 1824, phụ trách huy động hơn 3000 người khơi đào sông Vĩnh Điện dài 1630 trượng, công trình thủy lợi quan trọng ở Quảng Nam thành công, được vua ban thưởng⁶. **Tháng 9 năm 1824** được điều vào làm Cai bạ Vĩnh Thanh⁷.

Tháng 5 năm 1825, sông đào Vĩnh Điện ở Quảng Nam sụt lở, bị vua quở trách “*Trước kia đào khai sông ấy, hạn bề ngang trên bờ là 5 trượng, dòng nước rộng 3*

¹ Thạc sĩ, Giảng viên khoa Sử, Đại học Thủ Dầu Một. Email: duyett@tdmu.edu.vn

² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 1*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.616.

³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 1*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.820.

⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 1*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.992.

⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 2*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.275.

⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 2*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.338.

⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 2*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.376.

trượng 4 thước, nay mới hơn một năm mà đã sụt lở, chỗ rộng chẳng quá 2 trượng, chỗ hẹp chỉ hơn 10 thước; lại hai bờ cao quá, đưng dựng như vách thì thể nước chảy mau sụt lở càng nhiều, của nhà nước và công của dân, cả hai đều uống phí, cái tội của Đồng lý Lê Đại Cương nói sao cho xiết. Bọn giám tu và chuyên biện đều giao xuống hai bộ Lại Binh bàn xử”⁸. Sau đó ông bị cách chức nhưng, tuy nhiên với những công lao và đóng góp của mình, ông được Vua gia ơn với bản án cách lưu. “Vua đặc cách gia ơn đổi làm án cách lưu. Bộ Lại tâu rằng án cách lưu trước đây chưa có làm qua, xin nên truy thu hết bằng sắc từ lúc xuất thân đến nay, rồi làm bằng cấp của đình thần phát cho giữ lấy, đợi sau được khai phục sẽ xét phẩm trật mà cấp trả lại. Vua theo. Sau lấy đó làm lệ”⁹.

Tháng 9 năm 1826 Lê Đại Cương được vua triệu về Kinh, trước sự việc này Tổng trấn Gia Định Lê Văn Duyệt đã “Tâu xin cho Cương ở lại làm Tuyên phủ sứ phủ Lạc Hoá. Vua không cho, dụ rằng: Đặt quan chia chức là việc lớn của triều đình; tùy tài bổ dụng là phép công của vương giả. Cương đã có mệnh lệnh rồi mà còn xin lưu lại là sao? Nếu bảo rằng người ấy hợp với đất ấy thì sao không tâu xin từ trước khi chưa có lệnh triệu?”¹⁰.

Tháng 11 năm 1826, Minh Mạng thứ 7 triều đình lấy “Nguyên Cai bạ Vĩnh Thanh là Lê Đại Cương đổi bổ Hữu Thị lang Hình bộ”¹¹. Tháng 5-1827 ông lại được vua “Cho Hữu Thị lang Hình bộ là Lê Đại Cương làm thự Hữu Tham tri Hình bộ”¹². **Năm 1827, Minh Mạng thứ 8, tháng 7** nhận nhiệm vụ đặc biệt tại Bắc thành, làm khâm sai xem xét xử các vụ án hình tòn đọng, trước khi lên đường Vua dụ: “Bắc Thành gần đây bị vỡ đê, bọn tào trưởng Vũ Xuân Cán phải đi phát chẩn, việc án đê đọng, không thể chóng làm xong được. Đê đọng một ngày thì dân chịu khổ một ngày, người nên thanh lý cho chóng. Hết thấy các án kiện giao cho, cùng án mạng án cướp trong hạt, đến tháng 11 phải xét xử xong”¹³. Đúng thời hạn vua ra hoàn thành nhiệm vụ, trở về kinh, được vua ban khen.

Tháng 9 năm 1828 với những kinh nghiệm và tài năng của mình, Vua đã “Sai Hữu Tham tri Hình bộ là Lê Đại Cương sung chức quản lý Đê chính”. Vào chầu vua trước khi lên đường ra Bắc được vua Minh Mạng dụ rằng, “Việc chống lụt quan hệ rất lớn. Người là người biết lẽ, trước kia việc hình ngục ở Bắc Thành, người đến nơi là làm xong ngay. Nay trách nhiệm về Đê chính càng nặng nề. Lần này đi, nên hết lòng xếp đặt đê cho nước chảy thuận dòng, cho dân càng mừng êm sóng thì công ấy chẳng nhỏ đâu”¹⁴. **Tháng 12-1828** được vua ban thưởng vì công trạng trong việc đắp đê. Tuy nhiên, **tháng 4 năm 1829** vì vỡ đê ở Đa Hòa, Kim Quan, bị giáng chức xuống 3 cấp. **Tháng 8-1829**, công việc đắp đê ở Bắc Thành hoàn tất, các đoạn đê vỡ được gia cố vững chắc, Lê Đại Cương được phục chức. **Tháng 6-1830**, do vỡ đê ở Sơn Nam ông lại bị cách chức. **Tháng 8-1830**, khắc phục tốt hậu quả vỡ đê lại được phục chức và ban thưởng. Được cử kiêm Hình tào Bắc thành. **Tháng 9-1831**, Triều đình mở khoa thi Hương ở Thanh Hoa, Nam Định và Bắc Thành, “Hình bộ Hữu tham tri lĩnh Bắc Thành Hình tào Lê Đại Cương làm chủ khảo trường Bắc Thành”¹⁵.

⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 2*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.429.

⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 2*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.446.

¹⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 2*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.540.

¹¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 2*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.553.

¹² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 2*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.632.

¹³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 2*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.662.

¹⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 2*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.774.

¹⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 3*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.211.

Ngày 5 tháng 10 năm 1831, được quyền giữ ấn triện Tổng trấn Bắc thành và thăng làm thự Binh bộ Thượng thư, Đô sát viện Hữu đô ngự sử, Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên kiêm Tuần phủ Sơn Tây, nổi tiếng là chính sự giỏi giang. **Tháng 11**, do ra lệnh chém đầu một kẻ phóng hỏa đốt nhà người khác, bị vua phạt 1 năm bổng. Rồi bị dân hạt Sơn Tây về kinh kiện tội tham nhũng, bị vua cách chức và cho tra xét. Tuy nhiên sau đó được minh oan, “*Nay đã xét ra đơn ấy là vu không, tâm tích của người tỏ rõ. Đại thần vì nước,...*”¹⁶. Có lẽ trải qua nhiều thăng trầm, vua thấy được tấm trung thần ở trong con người Lê Đại Cương, cùng với tài năng của mình ông tiếp tục được triều đình trọng dụng.

2. DẤU ẤN TRÊN VÙNG ĐẤT AN GIANG.

Sau nhiều năm thăng trầm ở Kinh thành và Bắc thành, Năm 1832, ông được triều đình cử vào nam với một trọng trách nặng nề, khó khăn hơn,... làm người đứng đầu một vùng đất mới. Chứng minh tài năng và đức độ bằng công việc thực tiễn ở Bắc thành nên ông được vua tin “*dùng nguyên Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Lê Đại Cương làm Tổng đốc An - Hà kiêm lĩnh ấn bảo hộ Chân Lạp quốc*”¹⁷. Để khẳng định niềm tin với quần thần trước khi cử đi đảm đương trọng trách mới, vua nói với Lê Đại Cương, “*Người làm việc nhanh nhẹn, giỏi dang, đã hiểu biết rõ. Trước đây có đơn tâu dân kiện bậy, ta cũng tin rằng người không có việc ấy,... Nay đã xét ra đơn ấy là vu không, tâm tích của người tỏ rõ. Đại thần vì nước,...*”¹⁸. Gian lao mà Lê Đại Cương sẽ phải vượt qua ở vùng đất biên cương được thể hiện chính lời của vua trước khi ông ra đi, “*An Giang là tỉnh mới đặt, trong thì trấn thủ, võ về nước Xiêm. Ngoài thì không chế nước Xiêm, sự thể rất quan trọng. Người nay cai trị đất ấy, phàm những việc quân, dân trọng đại cùng thành trì và kho tàng đều nên hết sức lo liệu để phu phi ý ta mong người làm được thành công*”¹⁹.

Với trọng trách là Tổng đốc An - Hà, kiêm việc bảo hộ nước Chân Lạp, không phụ lòng quân vương, Lê Đại Cương đã đặt chân đến vùng đất biên cương và để lại nhiều dấu ấn trong quá trình xây dựng, bảo toàn và phát triển ở vùng đất này, mặc cho cuộc đời quan trường của ông có nhiều gian truân.

2.1. Xây dựng thành An Giang.

Đất An Giang vốn là vùng đất Tầm Phong Long được Nguyễn Cư Trinh vâng mệnh chúa Nguyễn vào thu nhận từ vua Chân Lạp vào năm 1757. Từ đây vùng đất này thuộc Vĩnh Thanh trấn dưới sự quản lý của Chúa Nguyễn. Đến năm 1832, thời nhà Nguyễn chia Vĩnh Thanh trấn ra thành các tỉnh. Công cuộc kiến thiết An Giang cũng bắt đầu từ đây, mở đầu cho công cuộc kiến thiết là xây dựng thành trì, ổn định dân sinh, chống ngoại bang và các phần tử phản loạn. Là Tổng đốc đầu tiên của tỉnh An Giang, Lê Đại Cương đã tâu lên triều đình một kế hoạch xây dựng thành phục vụ cho công việc trị vì, quản lý và phát triển lâu dài, ông nói: “*Chỗ đất thành mới, bên tả gần sông dài, đằng trước, đằng sau và bên hữu đều là rừng rậm. Trước phải chặt cây phá rừng, rồi mới có thể khởi công. Và lại đằng trước và bên hữu nên đào thủy đạo lấy đất đắp thành quách, nền hành cùng, nhà kho, dinh thự, và làm chỗ cho sau này nhân dân dựng nhà ở chung quanh,...*”²⁰. Để thực hiện được công trình đồ sộ này, Lê Đại Cương hiểu rằng chỉ mình dân tỉnh An Giang không thể thực hiện được, nên ông đã xề xuất, “*Những công trình này khó khăn to lớn, xin mượn một phần ba dân bốn huyện Vĩnh An, Vĩnh Định, Đông Xuyên, Tây Xuyên*

¹⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 3*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.426.

¹⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 3*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.426.

¹⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 3*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.426.

¹⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 3*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.427.

²⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 3*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.503.

thuộc bản hạt, và một phân hai dân huyện Vĩnh Bình thuộc Vĩnh Long và Kiến Đăng thuộc Định Tường góp sức cùng làm”²¹. Trên cơ sở tấu sớ của Lê Đại Cương, vua cho là hợp lý và hạ chỉ cho thực hiện như đã tâu. Vị trí được Lê Đại Cương chọn xây dựng thành theo Đại Nam Thực Lục thì “*Tỉnh thành An Giang trước kia đã dựng ở đất Long Sơn*”²². Và tình hình xây dựng thành qua tấu sớ của Lê Đại Cương như sau, “*Thần đã đem số tre chặt rồi rào giậu 4 mặt, tạm làm cái thành bằng tre, và tạm thời dựng nhà kho, công đường và nhà làm việc để tiện việc dọn đến ở. Còn tòa hành cung dựng ở Châu Đốc trước, thì gỗ lim còn dùng được, nên dỡ mang về Tân Thành để xây dựng*”²³. Cùng với việc xây dựng thành An Giang, ông đã tiến hành cho xây dựng các công trình khác nhằm đáp ứng công việc yên trị lâu dài.

2.2. Thiết lập cơ sở để trấn giữ, sắp xếp quân binh tăng cường sức mạnh.

Không dừng lại ở việc xây thành, Lê Đại Cương còn cho thấy ông là người có khả năng hoạch định, chọn địa thế để sắp đặt các sở lý, quân phiên canh giữ vùng đất An Giang. Trước hết là sắp xếp lại các binh cơ để đảm bảo sức chiến đấu khi cần, Tổng đốc An - Hà là Lê Đại Cương, Tuần phủ An Giang là Ngô Bá Nhân tâu nói: “*Ốc Nha Bồ Nô Sơn Liêm Mộc ở phủ Chân Liêm, chiêu mộ được 10 đội quân Phiên, xin đặt cho tên cơ binh, ban chức hàm và họ tên, đợi sau khi tỉnh thành dời đi nơi khác, sẽ cho cứ đóng giữ ở đồn Châu Đốc. Vua ưng cho và đặt tên là cơ An Biên... Ban tên cho Ốc Nha Bồ Nô Sơn Liêm Mộc là Liêm Mộc, cho làm Phó quản cơ; còn những người thuộc hạ như Ốc Nha Bồ Nô Mô cho tên là Phiên Mô, Ốc Nha Tốt cho tên là Phiên Tốt, Bồn Nha Biện cho tên là Phiên Biện, Bồn Nha Sóc cho tên là Phiên Dục, Bồn Nha Lục cho tên là Phiên Lục, Bồn Nha Mịch cho tên là Phiên Mịch. Người nào đáng đốc suất đội nào, do quan tỉnh sắp xếp thứ tự tâu lên sẽ chuẩn cho thực thụ. Còn tên họ cơ binh thì lấy mười chữ : Hán, Đường, Triệu, Ngụy, Yên, Hàn, Tề, Lương, Trần, Tùy đặt cho. Sau đó cho Liêm Mộc chiêu theo phẩm hàm mà chỉ lương. Quân chia làm 5 ban. Những người đương ở ban, hàng tháng cấp gạo 1 phượng*”²⁴.

Để tăng cường sức mạnh cho quân tỉnh Tổng đốc An - Hà là Lê Đại Cương, Tuần phủ An Giang là Ngô Bá Nhân “*Tâu xin dôn bổ các lính ở đồn điền cũ vào 4 cơ thuộc tỉnh là An nghị tả, An nghị hữu, An nghị tiền và An nghị hậu, đặt mỗi cơ 1 Phó quản cơ, lấy các nguyên Chánh phó trưởng chi bổ làm Cai đội thứ sai, Phó quản cơ*”²⁵, Vua y cho thực hiện.

Thêm nữa “*huyện Tây Xuyên là kiêm lý của phủ Tuy Biên, chính Châu Đốc ở trong địa hạt ấy. Vậy, xin lấy đồn ấy dùng làm phủ lý để cho sự ở được hùng tráng. Vua đều nghe theo*”²⁶. Những gì mà Lê Đại Cương xây dựng trên vùng đất An Giang được phát huy hiệu quả lâu dài về sau, đặc biệt nó luôn phát huy được sức mạnh trong sự nghiệp bảo vệ biên cương.

2.3. Phát triển giao thông đường thủy.

Tiếp nối những thành công của tiền nhân trong công cuộc phát triển giao thông thủy ở vùng đất Nam bộ. Từ thực tiễn cai quản vùng đất An Giang, Lê Đại Cương nhận thấy muốn ổn định, phát triển ở đây cần thiết phải có hệ thống thủy đạo, vừa phục vụ kinh tế

²¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 3*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.503.

²² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 4*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr. 36.

²³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 3*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.584.

²⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 3*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.504.

²⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 3*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.532.

²⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 3*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.584.

vừa phục vụ quốc phòng, nên ông đã “*bàn khai thủy đạo từ sông Tiền Giang ở Tân Thanh thẳng đến sông Hậu Giang ở Châu Đốc dài hơn 3.800 trượng...*”²⁷. Vua đã chuẩn tầu này. Khi đánh giá về vị trí xây thành và con sông đào này, chính sử nhà Nguyễn chép “*Chỗ ấy cũng cao ráo, sáng sủa, đào cảng thông đến Châu Đốc, có thể ngoài trông cả Tiền Giang và Hậu Giang, đủ là địa thế hiểm trở hữu hình...*”²⁸. Chỉ với một vài dòng đánh giá ngắn, cô đọng của chính sử đương thời cũng đủ cho ta thấy tầm nhìn chiến lược của vị Tổng đốc An - Hà trong sự nghiệp phát triển vùng đất biên cương.

2.4. Phép dụng binh khoan thư sức dân.

Trong quá trình đốc thúc xây dựng thành, dù cho gian truân vất vả, sức ép về hoàn thành công việc nhưng Lê Đại Cương đã thể hiện tính nhân văn, tầm nhìn chiến lược về khoan thư sức dân, khi ông tâu lên triều đình “*Việc sửa đắp thành mới An Giang đã dần dần xong. Duy còn đường thủy đạo hiện đương khai đào một đoạn giáp Hậu Giang dài hơn 1.050 trượng. Nay đương mưa lũ, việc làm ruộng đang cần, vậy những dân các huyện hiện đương làm việc ở đó, hễ ngày nào xong thì xin cho họ về ngay để làm ăn. Đến như cái hào dưới chân thành và các đoạn sông đào chưa khai, xin chờ đến chính mùa đông khô ráo, hãy theo thứ tự mà làm*”²⁹. Đây là một trong những phép dụng binh đã trở thành mẫu chốt cho sự thành công, hài hòa giữa bảo vệ biên cương và ổn định đời sống nhân dân, phát triển kinh tế xã hội,... Nhớ rằng, các triều đại trước đã thực hiện *Ngụ binh ư nông*. Điều này đã được Lê Đại Cương áp dụng có hiệu quả khi cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi diễn ra vào tháng 6 năm 1833, nhận du của vua “*Tổng đốc An - Hà là Lê Đại Cương lập tức xét theo số binh và dân hiện đang làm việc xây thành, cấp cho khí giới, tiền, lương, vớt lấy nhiều thuyền, đốc thúc quan quân, hương đồng thuận dòng xuôi xuống, hội với quan quân Long - Trường cùng đi đánh dẹp*”³⁰.

2.5. Đối với vùng đất Phiên.

Chỉ sau chưa đầy hai năm đề xuất xây thành An Giang, tháng 7 năm 1834, *Minh Mạng 15* cùng với Đốc phủ quân thứ Nam Vang là Trương Minh Giảng “*Lê Đại Cương tâu bày trừ tính về mọi việc thiên hậu về sau*”. Hai ông đã đề xuất những công việc trọng yếu nhằm canh giữ, ổn định lâu dài cho vùng đất Phiên:

- Chia đặt quan Phiên coi giữ những nơi trọng yếu.
- Xem xét đất Phiên, thiết lập đồn trại.
- Lựa lấy lính Phiên.
- Lựa lấy thổ binh người Chàm
- Chinh đốn sửa sang đồ quân dụng cho nước Phiên.
- Chiêu tập cơ binh An Biên.
- Khám xét các thuyền buôn ở Quảng Biên.
- Kinh lý biên phòng tỉnh Hà Tiên.

Tháng 12-1835, Lê Đại Cương và Trương Minh Giảng xin vua cho được đặt chức Án phủ ở 3 phủ là Hải Tây, Hải Đông và Sơn Phủ, được vua chấp thuận: Tướng quân Trương Minh Giảng và Tham tán Lê Đại Cương ở Trấn Tây cho rằng 3 phủ Hải Tây, Hải

²⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 3*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.503.

²⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 4*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.36.

²⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 3*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.583.

³⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 3*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.601.

Đông và Sơn Phủ đều là địa đầu quan trọng xung yếu, xin đặt mỗi nơi một chức An phủ. Vua dụ sai chọn trong thuộc hạ ai làm nổi việc, thì tâu xin bổ. Và răn dạy rằng: “*Những phủ ấy mới thiết lập, chọn được người là khó. Người được đề cử ra đó, không những phải cẩn thận giữ mình, mà đến cả những người nhà và đầy tớ theo hầu, nếu không giữ gìn để làm mất lòng người, thì còn tội nào to hơn nữa. Phải cẩn thận đó!*”³¹.

KẾT LUẬN

Lê Đại Cương là một con người đặc biệt, sinh thời giữa một giai đoạn phức tạp của lịch sử, dấn thân vào chốn quan trường nhiều cám dỗ và đầy bất trắc, ông đã chọn cho mình tôn chỉ hành động *vì nước quên nhà, vì công quên tư...* đem trí tuệ xuất chúng và tài đức đa diện của mình cống hiến cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đầy gian khó, lập nên một sự nghiệp lẫy lừng. Sự nghiệp ấy của Lê Đại Cương trải dài trong thời gian 40 năm làm quan qua 3 triều vua, trải rộng trong không gian cả ba miền đất nước từ biên giới cực Bắc đến biên giới cực Nam. Với rất nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, giáo dục, văn hóa, ngoại giao, khi làm quan cai trị những vùng đất phức tạp, lúc cầm quân đánh giặc ngoại xâm, khi tham gia quản lý trong lục bộ, lúc chỉ huy đào sông, khi phụ trách hộ đê, khi trực tiếp xử án hình, lúc làm chủ khảo trường thi, khi lo tiếp sứ nhà Thanh, lúc chịu trách nhiệm bảo hộ nước láng giềng Chân Lạp...

Với một sự nghiệp to lớn, một bản lĩnh kẻ sĩ đáng kính, trọn đời coi thường lợi danh, thành công không đắc chí, lúc sa cơ, thất bại không nản lòng, biết đứng dậy từ nơi vấp ngã, luôn ung dung tự tại để thấy vinh trong nhục, thâu phúc trong họa. Trong cuộc đời làm quan liên tục thăng giáng, quá nhiều bất trắc hiểm nguy, quá nhiều thử thách sống còn, chính nhân cách ấy, bản lĩnh ấy đã giúp Lê Đại Cương vượt qua tất cả, “*Là một danh sĩ nổi tiếng về văn chương cũng như võ nghệ. Cuộc đời làm quan của ông cũng giống như Nguyễn Công Trứ, lận đận nhiều phen. Khi thì làm quan to, lúc lại làm lính đi khiêng vồng. Nhưng tư cách và chí khí vẫn hiên ngang*”³². Chính sử nhà Nguyễn cũng đánh giá, ghi nhận công lao của ông trong việc trị vì vùng đất Nam bộ và thành Trấn Tây, “*Biên thùy thành Trấn Tây là chỗ biên thùy, gần đây... Tham tán Lê Đại Cương và thự Đê đốc Bùi Công Huyền thì hiệp đồng cùng làm việc thành. Họ võ về được thích đáng, khiến nhân dân ở yên, ngoài biên không sự lo ngại; thực không phụ với chức phận đã giao phó. Vậy chuẩn có Lê Đại Cương và Bùi Công Huyền đều được thưởng gia một cấp*”.³³

Lê Đại Cương còn đặc biệt là vì những bài học làm quan làm người từ cuộc đời ông, sự nghiệp của ông đối với chúng ta hôm nay vừa rất phong phú sâu sắc vừa rất sống động, nóng bỏng. Đối với các quan chức đó là bài học về sự tận tụy hết mình kết hợp với tác phong khoa học sáng tạo, luôn đi sâu đi sát thực tế, bài học về ý thức tổ chức kỷ luật cao kết hợp với sự quả cảm dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, không sợ bị hiểu lầm, không sợ bị vu oan giá họa, bài học về tiêu chí “*cái gì có lợi cho dân thì gắng sức thực hiện, cái gì có hại cho dân thì tuyệt đối tránh*”, bài học về tâm nguyện phải vừa là một tôi trung của dân của nước, phải vừa là một con hiếu của gia đình, dòng họ,... Còn đối với mỗi con người, đó là bài học về sự trọng nghĩa, vượt khó, khổ học, khổ luyện để thành công, bài học về sự kính trọng thờ phụng học hỏi tổ tiên, chăm lo giáo dục răn dạy,

³¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 4*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.843.

³² Lê Đại Cang: *Lê Thị gia phả - bản dịch của Vũ Ngọc Liên*, Nxb Dân Trí, H. 2011, Tr.17.

³³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 4*, Nxb Giáo Dục, 2007, Tr.988.

làm gương cho con cháu, bài học về sự gắn bó, khiêm hòa, thủy chung với bè bạn, với bà con làng xóm, với những người chung quanh.

Cuộc đời Lê Đại Cương là một biểu tượng về cái tài, cái tâm của kẻ sĩ, một cuộc đời mà biết bao người xưa nay phải khao khát, ngưỡng mộ. Những giá trị từ di sản và bài học lịch sử về thời kỳ Lê Đại Cương cũng như cuộc đời ông chứa đựng rất nhiều ý nghĩa cho hành trình đổi mới của xã hội, đất nước và con người Việt Nam hôm nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 1*, Nxb Giáo Dục, 2007.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 2*, Nxb Giáo Dục, 2007.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 3*, Nxb Giáo Dục, 2007.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tập 4*, Nxb Giáo Dục, 2007.
5. Lê Đại Cương: *Lê Thị gia phả*, bản dịch của Vũ Ngọc Liên, Nxb Dân Trí, 2011.